TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:169/BVYD-QT-CSVC
V/v yêu cầu thẩm định giá

Thừa Thiên Huế, ngày 6 tháng 2 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty cung cấp

Hiện nay, Bệnh viện Trường Đại học Y -Dược Huế có nhu cầu nhập một số hàng Biểu mẫu để phục vụ hoạt động của đơn vị.

Bệnh viện kính thông báo đến các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, báo giá niêm phong gửi về Phòng Quản trị- Cơ sở vật chất Bệnh viện, địa chỉ 41 Nguyễn Huệ - TP Huế, ĐT: 0234-6270707, chậm nhất 10 giờ 00 ngày 8/2/2023 để Bệnh viện chúng tôi họp xét chọn. Các đơn vị tham gia chào giá cần tham khảo mẫu tại phòng Quản trị- Cơ sở vật chất Bệnh viện Trường Đại học Y -Dược Huế. Nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc quá hạn báo giá xem như không hợp lệ.

Sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, đơn vị trúng thầu phải cung cấp đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo hợp đồng đã ký và bàn giao hàng Biểu mẫu tại kho hàng Quản trị Bệnh viện Trường Đại học Y- Dược Huế.

DANH MỤC HÀNG BIỂU MẪU MỜI CHÀO GIÁ

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bảng cam kết	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	10.000
2	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	10.000
3	Bảng kê chi phí vật tư tiêu hao	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	20.000
4	Bảng kê nộp viện phí	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	5.000
5	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ em	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	2.000
6	Bệnh án ngoại trú phục hồi chức năng	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2mặt/1 màu*	Tờ	500
7	Bệnh án ngoại	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu*	Tờ	3.000
8	Bệnh án nội	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu*	Tờ	3.000
9	Bệnh án nhi	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu*	Tờ	2.000
10	Bệnh án phụ khoa	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu*	Tờ	5.000

11	Cam kết tiêm thuốc cản quang	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 02 mặt/01 màu.*	Tờ	5.000
12	Đơn thuốc	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	15.000
13	Giấy cam đoan phẫu thuật	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,Giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	10.000
14	Giấy chứng nhận phẫu thuật	*KT: 14,5cm x 21cm. Làm bằng giấy Couche, DL 150, in 02 mặt/01 màu*	Tờ	5.000
15	Giấy hồng dùng in giấy ra viện	*KT: 14,5cm x 21cm. Làm bằng giấy Fo hồng (giấy ngoại) ,DL 180*	Tờ	5.000
16	Giấy chuyển viện tuyến	*KT: 29,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	2.000
17	Giấy hẹn khám lại	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,Giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	5.000
18	Giấy khám vào viện	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 02mặt/01 màu.*	Tờ	2.000
19	Giấy siêu âm tim	*KT: 29,5cm x 21cm. Làm bằng giấy Couche 150,độ trắng 100, in 2 mặt/2màu*	Tờ	4.000
20	Giấy thử phản ứng thuốc	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	2.000
21	Phiếu hẹn trả kết quả xét nghiệm	*KT: 14,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, màu vàng giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	30.000
22	Phiếu chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	3.000
23	Phiếu đồng ý thanh toán phần ngoài chi trả BHYT	*KT: 14,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	5.000
24	Phiếu kế hoạch chăm sóc	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu*	Tờ	5.000
25	Phiếu kê khai chi phí tiêu hao PM	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu*	Tờ	10.000
26	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng	*KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2,giấy nội in 01 mặt/01 màu.*	Tờ	20.000
27	Phiếu lĩnh thuốc Ban Giám đốc duyệt	*KT:29,5cm x 21cm. 100 tờ/cuốn (Không kể bìa). Ruột làm bằng giấy nội 70G/m2, độ trắng 90, in 01 mặt/01 màu. Bìa làm bằng giấy Duplex 200g/m2 màu trắng, khâu chỉ.*	Cuốn	30
28	Phiếu lĩnh thuốc gây nghiện	*KT:29,5cm x 21cm. 100 tờ/cuốn (Không kể bìa). Ruột làm bằng giấy nội 70G/m2, độ trắng 90, in 01 mặt/01 màu. Bìa làm bằng giấy Duplex 200g/m2 màu trắng, khâu chỉ.*	Cuốn	20
29	Phiếu lĩnh thuốc hướng tâm thần	*KT:29,5cm x 21cm. 100 tờ/cuốn (Không kể bìa). Ruột làm bằng giấy nội 70G/m2, độ trắng 90, in 01 mặt/01 màu. Bìa làm bằng giấy Duplex 200g/m2 màu trắng, khâu chỉ.*	Cuốn	20

30	Phiếu theo dõi chăm sóc bệnh nhân	*KT: 29,5cm x 21cm.* *Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 2 mặt/1 màu*	Tờ	30.000
31	Phiếu theo dõi chức năng sống	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2mặt/1 màu*	Tờ	10.000
32	Phiếu theo dõi xử trí cấp cứu	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4 Ngoại Paper one /70g/m2, độ trắng 90,in 1mặt/1 màu*	Tờ	10.000
33	Phiếu theo dõi truyền dịch	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	10.000
34	Phiếu theo dõi hồi sức	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	10.000
35	Phiếu theo dõi hồi sức bệnh nhân nặng	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	2.000
36	Phiếu xét nghiệm giải phẫu sinh thiết	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 2 mặt/1 màu*	Tờ	2.000
37	Phiếu yêu cầu sử dụng kháng sinh cần quản lý	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 1 mặt/1.màu*	Tờ	2.000
38	Phiếu gây mê hồi sức	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90,giấy nội in 2 mặt/1 màu*	Tờ	20.000
39	Sổ chỉ thị	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	50
40	Sổ ghi kết quả chẩn đoán hình ảnh	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	20
41	Sổ ghi kết quả CT-MRI	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	10
42	Sổ đi buồng	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	20
43	Sổ giao nhận bệnh phẩm	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	20
44	Sổ khám bệnh	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	10
45	Sổ kiểm tra	*KT: 29,5cm x 14,5cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	10
46	Sổ mời hội chẩn	*KT: 29,5cm x 14,5cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	10
47	Sổ nhận trả hàng giặt	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	10
48	Sổ giao ban	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	100

49	Sổ ra vào viện	*KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ*	Cuốn	20
50	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	10
51	Sổ xét nghiệm	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	20
52	Sổ nhật ký sử dụng thiết bị y tế	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu.Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.*	Cuốn	40
53	Tờ điều trị	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 2mặt/1 màu*	Tờ	35.000
54	Tờ điều trị số	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 2mặt/1 màu*	Tờ	10.000
55	Tờ duyệt mổ	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu*	Tờ	10.000
56	Trích biên bản hội chẩn	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	35.000
57	Bảng kiểm chụp cộng hưởng từ(MRI)	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	5.000
58	Bảng cam kết điều trị thụ tinh trong ống nghiệm	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	500
59	Phiếu theo dõi nan noãn trong ống nghiệm	*KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2,độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu*	Tờ	500

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm các loại phí và thuế.

Trân trọng kính chào và rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

GIÁM ĐỐC

PGS. TS Nguyễn Khoa Hùng